TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Kim Phước**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Sơn Thị L**, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Thạch C**, sinh năm 1945;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị L trình bày:***

Vào năm 1968, bà Sơn Thị L và ông Thạch C sống chung với nhau, đến năm 1974 thì đăng ký Chứng – chỉ sống chung tại xã D, quận E, tỉnh Ba Xuyên (nay là tỉnh Sóc Trăng). Sau khi sống chung ông bà sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc đến tháng 9 năm 1992 thì ông bà ly thân cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà Liên và ông Chênh có 07 con chung tên Thạch Thanh T, sinh ngày 03/02/1969; Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 13/02/1971; Thạch Thị Thanh T1, sinh ngày 19/12/1972; Thạch Thành A, sinh ngày 18/4/1974; Thạch Thanh B, sinh ngày 04/5/1976 (đã chết); Thạch Thị Thanh L1, sinh năm 1977; Thạch Thị Thanh L2, sinh ngày 18/10/1980. Quá trình chung sống ông bà đã tự thỏa thuận về tài sản chung. Đối với nợ chung không có.

Nay Bà Sơn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Sơn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Thạch C.

- Về con chung: Bà Sơn Thị L xác định các con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Sơn Thị L xác định đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Sơn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Sơn Thị L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân Sơn Thị L (bản đối chiếu bản chính);

+ Căn cước công dân Thạch Thị Thanh L2 (bản photo);

+ Giấy khai sinh tên Thạch Thị Thanh T1 (đối chiếu sao y bản chính);

+ Giấy khai sinh tên Thạch Thị Thanh N (đối chiếu sao y bản chính);

+ Giấy khai sinh tên Thạch Thị Thanh L1 (đối chiếu sao y bản chính);

+ Trích lục bộ khai sinh tên Thạch Thanh T (bản đối chiếu);

+ Chứng chỉ sống chung, ngày 27/4/1974 (đối chiếu bản chính);

+ Hộ khẩu, chủ hộ Sơn Thị L (bản photo).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Thạch C và được ông Thạch C nhận trực tiếp. Tuy nhiên ông Thạch C không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Sơn Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Trong đơn, bà Sơn Thị L vẫn giữa nguyên yêu cầu ly hôn với ông Thạch C. Về con chung đã thành nhiên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Thạch C: Vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Sơn Thị L đối với ông Thạch C. Về con chung đã thành niên, về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/6/2023, bà Sơn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch C có nơi cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Sơn Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Thạch C vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Sơn Thị L về việc ly hôn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà Sơn Thị L xác định vào năm 1968, bà Sơn Thị L và ông Thạch C sống chung với nhau, đến năm 1974 thì đăng ký Chứng – chỉ sống chung tại xã D, quận E, tỉnh Ba Xuyên (nay là tỉnh Sóc Trăng).

[2.2] Tại điểm a Điều 3. Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2000;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cũng như quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về:

"*Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn:*

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định về: Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn quy định về: Căn cứ cho ly hôn

1. Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

[2.3] Qua kết quả xác minh tại địa phương xác định được, giữa bà Sơn Thị L và ông Thạch C trước đây là vợ chồng từ trước năm 1975. Tuy nhiên cách đây rất lâu, bà Sơn Thị L, ông Thạch C không còn chung sống. Qua nội dung này, Hội đồng xét xử thấy rằng theo nội dung đơn của bà Sơn Thị L xác định từ năm 1992 đến nay giữa bà Sơn Thị L và ông Thạch C không còn chung sống là có căn cứ. Do đó, bà Sơn Thị L được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối chiếu với những quy định viện dẫn trên, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà Sơn Thị L, ông Thạch C đã vi phạm nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng không còn sống chung và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Sơn Thị L đưa ra.

[2.4] Về con chung: Bà Sơn Thị L xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Sơn Thị L và ông Thạch C có 07 con chung tên Thạch Thanh T, sinh ngày 03/02/1969; Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 13/02/1971; Thạch Thị Thanh T1, sinh ngày 19/12/1972; Thạch Thành A, sinh ngày 18/4/1974; Thạch Thanh B, sinh ngày 04/5/1976 (đã chết); Thạch Thị Thanh L1, sinh năm 1977; Thạch Thị Thanh L2, sinh ngày 18/10/1980. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh cũng như kết quả xác minh tại địa phương.

[2.5] Xét ý kiến của bà Sơn Thị L trình bày về việc 07 người con đã thành niên, không yêu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng 07 người con của bà Sơn Thị L, ông Thạch C đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Sơn Thị L xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Sơn Thị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Sơn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Sơn Thị L thuộc trường hợp là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Sơn Thị L, ông Thạch C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ điểm a Điều 3. Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị L được ly hôn với ông Thạch C.

2/ Về con chung: Các con chung của bà Sơn Thị L, ông Thạch C đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Sơn Thị L xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Sơn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị L thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn án phí án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Thạch C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Sơn Thị L, ông Thạch C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S Ơ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc